

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN ĐÔ LƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2020/HSST

Ngày: 30/03/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn K

- *Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông: Trần Văn L

+ Ông: Nguyễn Văn Đ

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị H – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị M - Kiểm sát viên.

Ngày 30/03/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, Tòa án nhân dân huyện Đô Lương mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2020/HSST ngày 31 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo:

Thái Khắc C, sinh ngày 15/11/1976. Tên gọi khác: Không.

Nơi cư trú: Xóm 14 cũ (Xóm Thịnh Tâm mới), xã Thịnh Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 06/12.

Họ tên cha: Thái Khắc S (Đã chết)

Họ tên mẹ: Trần Thị M, sinh năm 1933

Anh, chị, em ruột: Có 05 người, bị cáo là con thứ 05.

Vợ: Ngô Thị T; Sinh năm 1985; Nghề nghiệp: Xuất khẩu lao động

Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2009

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ 09 ngày kể từ ngày 09 tháng 11 năm 2019, đến ngày 18 tháng 11 năm 2019 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

***. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh: Thái Đình D, sinh ngày 20/06/1988. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.)

Nơi cư trú: Xóm Vũ Vũ, xã Hòa Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

-Chị: Ngô Thị Th, sinh ngày 02/06/1986. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Xóm 03 (Mới), xã Văn Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

-Chị: Lê Thị N, sinh ngày 25/8/1984. Vắng mặt

Nơi cư trú: Xóm 02, xã Văn Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

-Chị: Nguyễn Thị A, sinh ngày 20/07/1984. Vắng mặt

Nơi cư trú: Xóm 01 (Mới), xã Trung Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 11/02/2018 đến ngày 9/11/2019 tại nơi ở của Thái Khắc C thuộc xóm Thịnh Tâm (mới) (Xóm 14 cũ), xã Thịnh Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, Thái Khắc C đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thu lợi bất chính đối với anh Thái Đình D số tiền 6.678.083đồng (Sáu triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi ba đồng), chị Ngô Thị Th số tiền 5.342.466 đồng (Năm triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn, bốn trăm sáu mươi sáu đồng), chị Lê Thị N số tiền 21.142.466 đồng (Hai mươi một triệu một trăm bốn mươi hai nghìn không trăm sáu mươi sáu đồng), chị Nguyễn Thị A số tiền 192.932.466 đồng (Một trăm chín mươi hai triệu chín trăm ba mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng). Tổng số tiền Thái Khắc C thu lợi bất chính là 226.095.481 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu không trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi một đồng)

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, Thái Khắc C khai nhận từ ngày 11/02/2018 đến ngày 09/11/2019, do quen biết từ trước, bị cáo đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với các cá nhân, cụ thể:

- **Giao dịch với anh Thái Đình D:** Ngày 11/11/2018, Công cho anh D vay số tiền 50.000.000đồng, thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/ 1.000.000đồng/ 01 ngày, lãi suất tính theo tháng (30 ngày) tức lãi suất 180%/năm. Đến ngày 11/12/2018, anh D đã trả cho C cả gốc lẫn lãi với số tiền là 57.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi là 7.500.000 đồng. Theo quy định, lãi suất cao nhất mà Bộ luật dân sự cho phép là 20 %/năm (Sau đây gọi tắt là lãi suất theo quy định) -

tức 5/3 %/tháng, tức 4/73 %/ngày (Do năm 2018 có 365 ngày) nên số tiền lãi hợp pháp cao nhất mà C được thu 30 ngày tiền lãi của khoản vay 50.000.000đồng là 821.917 đồng. Số tiền thu lợi bất chính mà C thu được từ việc cho anh D vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là: 6.678.083đồng (Sáu triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn, không trăm tám mươi ba đồng).

- **Giao dịch với chị Ngô Thị Th:** Ngày 25/9/2019, C cho chị Th vay số tiền 40.000.000đồng, thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/ 1.000.000 đồng/01 ngày, lãi suất tính theo tháng (30 ngày) tức lãi suất 180%/năm và đóng tiền lãi vào ngày 25 hàng tháng. Ngày 25/10/2019, chị Th trả cho C tiền lãi 01 tháng với số tiền 6.000.000đồng. Từ đó đến nay chị Th chưa trả thêm số lãi hay gốc nào cho C. Lãi suất theo quy định số tiền lãi hợp pháp cao nhất mà C được thu là 30 ngày tiền lãi của khoản vay 40.000.000 đồng là 657.534 đồng. Như vậy, số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho chị Th vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là: 5.342.466đồng (Năm triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn, bốn trăm sáu mươi sáu đồng).

- **Các giao dịch với chị Lê Thị N:** Bị cáo cho chị N vay tiền 03 lần, cụ thể:

+. Lần 1: Ngày 26/3/2019, C cho chị N vay 10.000.000 đồng với thỏa thuận lãi suất là 5.000đồng/ 1.000.000 đồng/ 01 ngày, lãi suất tính theo tháng (30 ngày) tức lãi suất 180%/năm. Khi vay C yêu cầu chị N viết giấy vay 10.000.000 đồng + 1.500.000 đồng. Trong đó 1.500.000 đồng là tiền lãi 01 tháng và hẹn đến 26/4/2019 sẽ trả.

+. Lần 2: Ngày 28/3/2019, C cho chị N vay 10.000.000 đồng (cũng với thỏa thuận lãi suất như trên. Ngay sau khi vay xong, C cắt tiền lãi tháng đầu là 1.500.000đồng, nên thực tế chị N chỉ nhận được 8.500.000đồng.

+.Lần 3: Ngày 02/4/2019, C cho chị N vay số tiền 10.000.000đồng cũng với thỏa thuận lãi suất như trên. Sau đó một thời gian (C và chị N đều không nhớ chính xác nhưng trước ngày 30/5/2019), chị N trả cho C 1.500.000đồng tiền lãi, đồng thời viết giấy hẹn đến ngày 30/5/2019 sẽ trả 36.000.000đồng. Trong đó 30.000.000đồng tiền gốc và 6.000.000đồng là tiền lãi còn thiếu tính đến 30/5/2019 – Đây là tiền lãi 02 tháng của cả 3 lần vay trừ đi 1.500.000 đồng (Cắt ngày 28/3/2019 và trừ đi 1.500.000 đồng) đã thu tiền mặt.

Đến ngày 30/5/2019, chị N không trả đúng hẹn nên ngày 01/6/2019, C và chị N thỏa thuận viết giấy hẹn đến 01/7/2019 sẽ trả 50.000.000đồng. Trong đó: 36.000.000đồng là khoản nợ tính đến 30/5/2019 và 14.000.000đồng là tiền lãi tính đến 01/7/2019 cộng với tiền phạt do chậm trả.

Đến ngày 01/7/2019, chị N không trả đúng hẹn nên ngày 20/7/2019, chị N và C thỏa thuận viết giấy hẹn đến 20/01/2020 sẽ trả 150.000.000đồng. Trong đó

50.000.000đồng là số tiền nợ tính đến 01/7/2019 và số còn lại là tiền lãi cộng phạt. Cho đến nay chị N vẫn chưa trả thêm được cho C số tiền nào.

Như vậy, tổng số tiền lãi và phạt C đã thu của chị N là: 1.500.000đồng (Cắt ngày 28/3/2019) + 1.500.000 đồng (trả lãi tiền mặt) + 6.000.000đồng (Lãi nhập vào gốc và tiếp tục tính lãi ngày 01/6/2019 nên coi như đã thu lãi) + 14.000.000đ (Lãi và phạt nhập vào gốc và tiếp tục tính lãi ngày 20/7/2019) = 23.000.000 đồng, đối với số tiền trong giấy hẹn ghi ngày 20/7/2019 do chưa đến hạn (20/01/2020) và chưa phát sinh lợi tức nên không tính tang số để xác định trách nhiệm hình sự. Lãi suất theo quy định, số tiền lãi hợp pháp cao nhất mà C được thu là 116 ngày tiền lãi của khoản vay 10.000.000 đồng ngày 26/3/2019 + 114 ngày tiền lãi của khoản vay 10.000.000đồng ngày 28/3/2019 + 109 ngày tiền lãi của khoản vay 10.000.000đồng ngày 02/4/2019, tổng cộng là 1.857.534 đồng (Một triệu, tám trăm năm mươi bảy nghìn, năm trăm ba mươi bốn đồng).

Số tiền thu lợi bất chính C thu được từ việc cho chị N vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là: 23.000.000đồng – 1.873.973đồng = 21.126.027 đồng (Hai mươi một triệu, một trăm hai mươi sáu nghìn, không trăm hai mươi bảy đồng).

- **Các giao dịch với chị Nguyễn Thị A:** Vào khoảng thời gian từ ngày 11-12/02/2018, chị A vay C số tiền 20.000.000 đồng, với thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ 01 ngày, lãi suất tính theo tháng (30 ngày), tức lãi suất 180%/ 01 năm, cứ đến ngày 11-12 hàng tháng sẽ đóng tiền lãi. Tính đến tháng 07/2018, chị A đã giao cho C 05 tháng tiền lãi với tổng số tiền lãi là 15.000.000 đồng. Ngày 26/7/2018, chị A trả cho C 1.000.000 đồng tiền gốc. Từ ngày này đến tháng 10/2018, chị A trả 3 tháng tiền lãi của khoản vay 19.000.000đồng là 8.550.000đồng. Ngày 08/10/2018, chị A trả cho C số tiền 3.000.000 đồng tiền gốc. Từ ngày này đến tháng 11/2018, chị A đã trả cho C tiền lãi 01 tháng của khoản vay 16.000.000đồng là 2.400.000đồng.

Ngày 08/11/2018, chị A vay thêm C số tiền 4.000.000 đồng với thỏa thuận lãi suất như cũ thành tổng tiền gốc vay là 20.000.000 đồng, chị A hẹn C đến 16/12/2018 sẽ trả cho C nhưng đến hạn chị A không trả được nên ngày 12/01/2019, C và chị A đã thỏa thuận chị A viết giấy nợ C số tiền 35.000.000đồng; trong đó: 20.000.000đồng (Tiền gốc) + tiền lãi tính đến ngày 12/01/2018 và tiền phạt do chậm trả tiền lãi và tiền gốc. Đồng thời chị A hẹn C đến ngày 16/01/2019 sẽ trả. Ngày 16/01/2019, chị A trả cho C số tiền 9.000.000đồng và còn nợ số tiền 26.000.000 đồng.

Ngày 29/01/2019, chị A vay thêm C số tiền 10.000.000đồng và thỏa thuận chị A viết giấy số tiền 40.000.000 đồng, trong đó: 26.000.000đồng (Nợ cũ) +

10.000.000 đồng (vay thêm) + số tiền lãi tính đến ngày 29/01/2019 và số tiền phạt do chậm trả tiền lãi và tiền gốc.

Ngày 05/02/2019, chị A vay thêm C số tiền 10.000.000đồng và thỏa thuận chị A viết giấy vay nợ với số tiền 55.000.000đồng; trong đó: 40.000.000 đồng (nợ cũ) + 10.000.000 đồng (vay thêm) + tiền lãi tính đến ngày 05/02/2019 + tiền phạt, và chị A hẹn đến 04/4/2019 sẽ trả.

Đến ngày 30/3/2019, Công hỏi tiền chị A nhưng chị A chưa có tiền gốc và tiền lãi để trả cho C, nên C và chị A thỏa thuận tính thêm vào gốc 15.000.000đồng; trong đó gồm: tiền lãi tính đến ngày 30/3/2019 + tiền phạt do chậm trả tiền lãi và tiền gốc nên chị A viết giấy vay nợ số tiền 70.000.000đồng và hẹn đến 03/4/2019 chị A sẽ trả.

Đến ngày 03/4/2019, chị A không trả đúng hạn nên 10/4/2019, C và chị A đã thống nhất viết giấy vay số tiền 105.000.000đồng, bao gồm: 70.000.000đồng (nợ cũ) + 35.000.000đồng (tiền lãi + tiền phạt do chậm trả tiền vay và tiền lãi).

Ngày 30/5/2019, ông Nguyễn Văn M là bố của Nguyễn Thị A giúp chị A trả nợ cho C số tiền 30.000.000 đồng, C bớt cho 5.000.000đồng nên chị A viết giấy vay nợ số tiền 70.000.000 đồng, chị A hẹn đến ngày 15/7/2019 sẽ trả đủ.

Ngày 06/6/2019, ông M tiếp tục giúp chị A trả nợ cho C số tiền 50.000.000 đồng. Ngay sau đó, chị A lại vay lại số tiền 20.000.000 đồng, nên tổng tiền chị A nợ C đến thời điểm này là 40.000.000 đồng.

Đến ngày 20/7/2019, chị A không trả được cho C số tiền nào cả nên C và chị A tiếp tục thỏa thuận tính lãi + tiền phạt = 25.000.000đồng nên chị A viết giấy nợ số tiền 65.000.000 đồng và hẹn đến ngày 08/8/2019 sẽ trả.

Đến ngày 08/8/2019, chị A vẫn chưa trả tiền cho C, chị A và C thỏa thuận viết giấy vay nợ số tiền 75.000.000 đồng, bao gồm: 65.000.000 đồng (nợ cũ) + 10.000.000 đồng (tiền lãi + tiền phạt do chậm trả tiền lãi và tiền gốc) và hẹn đến ngày 10/8/2019 chị A sẽ trả.

Đến ngày 10/8/2019 chị A không trả được tiền theo đúng hạn nên ngày 12/9/2019, chị A với C thỏa thuận viết giấy chị A nợ số tiền 100.000.000 đồng, bao gồm: 75.000.000 đồng (nợ cũ)+ 25.000.000 đồng (tiền lãi + tiền phạt do chậm trả tiền vay gốc và tiền lãi) và hẹn đến ngày 13/9/2019 sẽ trả.

Đến sáng ngày 13/9/2019, chị A không trả nên C và chị A đã thỏa thuận chị A viết giấy nợ 115.000.000 đồng, trong đó: 100.000.000 đồng (nợ cũ) + 15.000.000 đồng (tiền phạt do chậm trả tiền vay gốc và tiền lãi) và hẹn đến 19 giờ 30 phút ngày 13/9/2019 sẽ trả. Nhưng đến hạn chị A vẫn không trả được.

Ngày 14/9/2019, chị A trả cho C số tiền 10.000.000 đồng, nhưng do chị A trả chậm hạn nên C và chị A đã thỏa thuận chỉ trừ 5.000.000đồng vào khoản nợ

trước đó và 5.000.000 đồng còn lại là tiền phạt do trả chậm hạn. Nên chị A đã viết giấy vay nợ số tiền 110.000.000 đồng và hạn đến 21/9/2019 sẽ trả.

Đến ngày 21/9/2019, chị A vẫn không trả được số tiền nào cả, nên C và chị A thỏa thuận viết giấy vay nợ số tiền 130.000.000 đồng. Trong đó: 110.000.000 đồng + 20.000.000 đồng (tiền lãi + tiền phạt do chậm trả) và hạn đến ngày 26/9/2019 sẽ trả. Nhưng đến hạn chị A vẫn không trả được.

Đến ngày 02/10/2019, chị A vẫn chưa trả được số tiền nào, nên C và chị A tiếp tục thỏa thuận viết giấy vay nợ số tiền 150.000.000 đồng, bao gồm: 130.000.000 đồng (nợ cũ) + 20.000.000 đồng (tiền lãi + số tiền phạt do chậm trả) và hạn đến ngày 10/11/2019 sẽ trả. Nhưng đến hạn chị A vẫn không trả được.

Ngày 13/10/2019, chị A trả bớt cho C số tiền 20.000.000 đồng, C bớt thêm cho chị A thêm 10.000.000 đồng nên chị A viết giấy nợ với số tiền 120.000.000 đồng. Cho đến nay, chị A không trả thêm cho C bất kỳ số tiền nào cả.

Như vậy, tổng số tiền C cho chị A vay là 64.000.000 đồng (Gồm 20.000.000 đồng (ngày 11-12/02/2018) + 4.000.000 đồng (ngày 08/11/2018) + 10.000.000 đồng (ngày 29/01/2019) + 10.000.000 đồng (ngày 06/6/2019)).

Tổng số tiền chị A đã trả cho C (tính cả khoản bố chị A trả hộ) là: 148.950.000 đồng, (Gồm 15.000.000 đồng (trả tiền lãi 5 tháng của khoản vay 20.000.000 đồng) + 1.000.000 đồng (A trả bớt gốc ngày 26/7/2018) + 8.550.000 đồng (trả tiền lãi 3 tháng của khoản vay 19.000.000 đồng) + 3.000.000 đồng (A trả bớt gốc ngày 08/10/2018) + 2.400.000 đồng (trả tiền lãi 1 tháng của khoản vay 16.000.000 đồng) + 9.000.000 đồng (ngày 16/1/2019 chị A trả tiền lãi và phạt cho C) + 30.000.000 đồng (ngày 30/5/2019, bố của chị A là ông M trả tiền lãi và tiền phạt) + 50.000.000 đồng (ngày 06/6/2019, ông M trả tiền lãi và tiền phạt cho C) + 10.000.000 đồng (ngày 14/9/2019, chị A trả tiền lãi và tiền phạt cho C) + 20.000.000 đồng (ngày 13/10/2019, chị A trả cho C)

Số tiền đã xác nhận nợ cuối cùng trước khi cơ quan CSĐT phát hiện là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) được xác nhận theo giấy vay tiền viết ngày 13/10/2019 sau khi đã trả bớt 20.000.000 đồng và cho 10.000.000 đồng.

Như vậy tổng số lãi mà C có được từ việc cho chị A vay là 204.950.000 đồng, (Gồm tổng số tiền đã thu (148.950.000 đồng) + Số nợ được xác nhận cuối cùng (120.000.000 đồng) – Số gốc đã cho vay (64.000.000 đồng)).

Căn cứ vào lãi suất theo quy định, số tiền lãi hợp pháp cao nhất mà C được thu bao gồm 196 ngày tiền lãi của khoản vay 20.000.000 đồng ngày 11-12/2/2018 + 74 ngày tiền lãi của khoản vay 19.000.000 đồng ngày 26/7/2018 +

31 ngày của khoản vay 16.000.000đồng ngày 08/10/2018 + 82 ngày tiền lãi của khoản vay 20.000.000đồng ngày 08/11/2018 + 07 ngày tiền lãi của khoản vay 30.000.000đồng ngày 08/11/2018+ 121 ngày tiền lãi của khoản vay 40.000.000đồng ngày 05/02/2019 + 157 ngày tiền lãi của khoản vay 60.000.000đồng ngày 06/6/2019 = 12.017.534 đồng. Như vậy số tiền thu lợi bất chính C thu được từ việc cho chị A vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là: 192.932.466 đồng.

Tổng cộng từ ngày 11/02/2018 đến ngày 09/11/2019, bị cáo đã thông qua giao dịch dân sự cho 04 cá nhân vay tổng số tiền 180.000.000 đồng, với lãi suất của hành vi phạm tội là 180%/năm. Từ hành vi phạm tội, C đã thu lợi bất chính số tiền 226.095.481 đồng.

Tại bản cáo trạng số 18/CT – VKS - HS ngày 30/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An đã truy tố bị cáo Thái Khắc C về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương giữ quyền công tố và luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Áp dụng khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự, các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Thái Khắc C từ 15 tháng đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

*. Xử lý vật chứng:

- Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền gốc dùng để cho vay và lãi suất theo qui định từ bị cáo Thái Khắc C là 129.354.519 đồng (*Gồm: 50.821.917 đồng trong giao dịch với anh Thái Đình D. 657.534 đồng tiền lãi từ giao dịch với chị Ngô Thị Th. 1.857.534 đồng tiền lãi từ giao dịch với chị Lê Thị N và 76.017.534 đồng từ tiền gốc và lãi suất từ giao dịch với chị Nguyễn Thị A*).

- Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước 40.000.000 đồng từ chị Ngô Thị Th (Là số tiền gốc bị cáo Thái Khắc C cho chị Th vay, chị Th chưa hoàn trả);

- Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước 30.000.000 đồng từ chị Lê Thị N (Là số tiền gốc bị cáo Thái Khắc C cho chị N vay, chị N chưa hoàn trả);

- Buộc bị cáo Thái Khắc C phải hoàn trả số tiền lãi suất vượt quá cho anh Thái Đình D: 6.678.083 đồng; chị Ngô Thị Th: 5.342.466 đồng; chị Lê Thị N: 1.142.466 đồng và chị Nguyễn Thị A 72.932.466 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo nhận tội và đề nghị HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên đã có đủ cơ sở để kết luận:

Từ ngày 11/02/2018 đến ngày 9/11/2019 tại nơi ở của Thái Khắc C thuộc xóm Thịnh Tâm (mới) – Xóm 14 (cũ), xã Thịnh Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, Thái Khắc C đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thu lợi bất chính đối với anh Thái Đình D số tiền 6.678.083 đồng (Sáu triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi ba đồng), chị Ngô Thị Th số tiền 5.342.466 đồng (Năm triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn, bốn trăm sáu mươi sáu đồng), chị Lê Thị N số tiền 21.142.466 đồng (Hai mươi một triệu một trăm bốn mươi hai nghìn không trăm sáu mươi sáu đồng), chị Nguyễn Thị A số tiền 192.932.466 đồng (Một trăm chín mươi hai triệu chín trăm ba mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng). Tổng số tiền Thái Khắc C thu lợi bất chính là 226.095.481 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu không trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi một đồng)

Hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại Điều 201 BLHS. Số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 226.095.481 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu không trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi một đồng) nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo về

tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội

Xét tính chất vụ án: Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính; ảnh hưởng nghiêm trọng đến các giao dịch dân sự; hành vi trái pháp luật và đạo đức xã hội đã đẩy gia đình người vay tiền vào hoàn cảnh khó khăn, gây bất bình trong dư luận. Bản thân bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật, nhưng vì hám lợi bất chính, coi thường pháp luật, bất chấp đạo lý thực hiện hành vi phạm tội. Việc khởi tố, điều tra, đưa bị cáo ra xét xử nghiêm minh, kịp thời là hết sức cần thiết nhằm xử lý và ngăn chặn hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đang có xu hướng gia tăng trên địa bàn.

Xét vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo:

Tại thời điểm phạm tội bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào và có 02 tình tiết giảm nhẹ là: Trong quá trình điều tra, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã ra đầu thú, có mẹ đẻ là bà Trần Thị M có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì. Những tình tiết giảm nhẹ này quy định tại các điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Đánh giá toàn diện vụ án, căn cứ vào nguyên tắc xử lý người phạm tội quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 BLHS và mục đích của hình phạt, bị cáo không có tiền án, tiền sự, có địa chỉ nơi cư trú rõ ràng nên chưa cần thiết phải cách ly ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng để răn đe và giáo dục thành công dân có ích cho xã hội. Mức hình phạt từ 15 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, cần chấp nhận.

- Về hình phạt bổ sung: Theo qui định tại khoản 3 Điều 201 BLHS, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và quá trình tranh tụng, hiện tại bị cáo đang sinh sống cùng 02 con nhỏ trong nhà của anh trai là Thái Khắc T, C

chưa có nhà, đất, không có tài sản gì có giá trị lớn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Về vật chứng của vụ án: Cần truy thu sung công toàn bộ số tiền gốc cho vay, lãi suất vượt quá trong vụ án, cụ thể:

+. Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền gốc dùng để cho vay và lãi suất theo qui định của pháp luật từ bị cáo Thái Khắc C là 129.354.519 đồng (*Gồm: 50.821.917 đồng trong giao dịch với anh Thái Đình D. 657.534 đồng tiền lãi từ giao dịch với chị Ngô Thị Th. 1.857.534 đồng tiền lãi từ giao dịch với chị Lê Thị Th và 76.017.534 đồng từ tiền gốc và lãi suất từ giao dịch với chị Nguyễn Thị A*).

- Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước 40.000.000 đồng từ chị Ngô Thị Th (Là số tiền gốc bị cáo Thái Khắc C cho chị Th vay, chị Th chưa hoàn trả);

- Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước 30.000.000 đồng từ chị Lê Thị N (Là số tiền gốc bị cáo Thái Khắc C cho chị N vay, chị N chưa hoàn trả);

- Buộc bị cáo Thái Khắc C phải hoàn trả số tiền lãi suất vượt quá cho anh Thái Đình D: 6.678.083 đồng; chị Ngô Thị Th: 5.342.466 đồng; chị Lê Thị N: 1.142.466 đồng và chị Nguyễn Thị A 72.932.466 đồng.

Đối với 05 (năm) quyển vở (sổ) đặc điểm khác nhau, bên trong các cuốn vở có nhiều trang giấy viết nội dung người khác vay tiền của Thái Khắc C, các trang giấy có nội dung vay tiền được đánh số từ 01 đến 42 mà Cơ quan công an thu giữ - là chứng cứ chứng minh, xác định hành vi phạm tội của bị cáo cần l-u tại hồ sơ vụ án.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Thái Khắc C phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo Thái Khắc C 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (Ba) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/03/2020).

Giao bị cáo cho UBND xã Thịnh Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng:

- Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền gốc dùng để cho vay và lãi suất từ bị cáo Thái Khắc C là 129.354.519 đồng (*Một trăm hai mươi chín triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm mười chín đồng*). Trong đó: 50.821.917 đồng trong giao dịch với anh Thái Đình D; 657.534 đồng tiền lãi từ giao dịch với chị Ngô Thị Th; 1.857.534 đồng tiền lãi từ giao dịch với chị Lê Thị Th và 76.017.534 đồng từ tiền gốc và lãi suất từ giao dịch với chị Nguyễn Thị A.

- Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng từ chị Ngô Thị Th (Là số tiền gốc bị cáo Thái Khắc C cho chị Th vay, chị Th chưa hoàn trả);

- Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) từ chị Lê Thị N (Là số tiền gốc bị cáo Thái Khắc C cho chị N vay, chị N chưa hoàn trả);

- Buộc bị cáo Thái Khắc C phải hoàn trả số tiền lãi suất vượt quá cho:

+. Anh: Thái Đình D: 6.678.083 đồng (Sáu triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi ba đồng);

+. Chị: Ngô Thị Th: 5.342.466 đồng (Năm triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu sáu đồng);

+. Chi: Lê Thị N: 1.142.466 đồng (Một triệu một trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu sáu đồng);

+. Chi: Nguyễn Thị A 72.932.466 đồng (Bảy mươi hai triệu chín trăm ba mươi hai nghìn bốn trăm sáu sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ng-ời đ-ợc thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho ng-ời đ-ợc thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 t-ơng ứng với thời gian ch- a thi hành án.

Trong tr-ờng hợp bản án, quyết định đ-ợc thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, ng-ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c-ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ-ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

4. Về án phí: Bị cáo Thái Khắc C phải chịu 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bị cáo, NCQLNVLQ
- VKSND H. Đô L-ơng;
- Cơ quan CSĐT CA H. Đô L-ơng;
- Cơ quan THA hình sự H. Đô L-ơng;
- Chi cục THA dân sự H. Đô L-ơng;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Khánh

